



NGUYỄN TRƯỜNG TỘ VÀ VẤN ĐỀ CHỦ HÒA

Bùi Kha

A. Vào đề



Nguyễn Trường Tộ quê tỉnh Nghệ An, sinh khoảng năm 1830 (có người viết sinh năm 1828...), chết năm 1871, thọ khoảng 41 tuổi. Nhiều năm sống bằng nghề dạy học, ông có công xây dựng một nhà thờ lớn tại Sài Gòn, và chỉ huy đào Thiết cảng được vua khen thưởng. Ông là “tác giả” 58 bản Điều trần gọi vua Tự Đức, dùng chữ “canh tân, đổi mới, thực dụng”, và những bản điều trần này đã làm nhiều người nghĩ ông có chương trình cải cách canh tân, nhưng ngày nay sử liệu và vì nhiều mâu thuẫn nội tại của chính các bản Điều trần ấy nên chúng ta cần xem lại vấn đề. Ông biết chữ Nho, nhưng theo Cụ Đào Duy Anh thì tiếng Pháp kém, chỉ đủ để làm thư ký cho Pháp mà thôi.

Ngày 16.10.1858, ông cùng với Giám mục “tình báo” Gauthier (Cố Hộ) đến cửa Mành-son, Đà Nẵng. Ở đó, đã có *các tu sĩ Pháp*

tập trung khá đông đảo đứng đầu là Giám mục Pellerin, đã cùng nhau làm áp lực để quân Pháp chiếm đánh thắng Huế cho chóng dứt điểm, nhưng Đô đốc Charles Rigault de Genouilly thấy không dễ như họ tưởng, nên tất cả đều bị Genouilly đuổi sang Hồng Kông.

Năm 1861, từ Hồng Kông, cùng với Phó Đô đốc Léonard Charner, về lại Việt Nam, ông được thuê làm thư ký cho Tổng hành dinh của quân thực dân Pháp để mở rộng vùng chiếm đóng (theo Linh mục Trương Bá Cần trong cuốn “*Nguyễn Trường Tộ con người và di thảo*”).

Vai kẻ vai lòng cạnh lòng với Giám mục Gauthier hơn 10 năm, và cùng với ông này, viết 58 bài Điều trần gửi đến triều vua Tự Đức.

B. Tổng quát 58 bản Điều Trần (Nguồn: Trương Bá Cần, “*Nguyễn Trường Tộ, con người & di thảo*”)



1.- Từ Di Thảo số 1 *Thiên Hạ Đại Thế Luận* viết khoảng tháng 3 - 4 năm 1863, đến bài cuối cùng, thứ 58, *Bài tựa sách Đàm Thiên Luận* (1871). Nếu được sắp theo thứ tự thời gian, chúng ta thấy ý tưởng của Nguyễn Trường Tộ không được bố cục nhất quán, mà viết theo những biến chuyển của tình hình quân sự và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam, cũng như viết theo bối cảnh lịch sử Việt Nam thời bấy giờ, để xoáy vào chủ điểm chính: Tại sao nên hợp tác với Pháp.

2.- Với giọng văn điêu luyện, sắc sảo, Nguyễn Trường Tộ sử dụng hai luận điểm chính để thuyết phục Triều vua Tự Đức. Hai luận điểm có tính chiến lược đó có thể ví von đặt tên là “Củ cà rốt” và ... “Cục xương”.

Chiến lược *Củ cà rốt* là đưa ra một số kế hoạch hoa mỹ và quyến rũ như khai thác hầm mỏ, sử dụng tài nguyên thiên nhiên...để làm cho dân giàu nước mạnh. Muốn đạt được mục đích đó thì phải làm gì? Trả lời: phải hợp tác với Pháp, phải cầu khẩn La Mã giúp sức như trong Di Thảo số 5.

Chiến lược *Cục xương* là đưa ra một số đề nghị không thể thực hiện được, nuốt không vào mà không ra, như chinh trang võ bị, đào kênh từ Hải Dương đến Huế v.v...(Di Thảo số 27) để nếu nghe lời mà thực hiện thì triều đình nhà Nguyễn phải mất thì giờ gặm cục xương, không còn nhân vật lực để có thể làm gì khác trước tình hình dầu sôi lửa bỏng do cuộc xâm lăng của thực dân Pháp.

3.- Nguyễn Trường Tộ khéo lòng nội dung tôn giáo vào hầu hết những bản Di Thảo để một mặt thì hăm dọa rằng “*Tạo vật đã định như vậy, sao cưỡng được*” (Di Thảo số 1), mặt khác thì an ủi chấp nhận số phận... “*Vì tạo vật đã an bài*” (trong nhiều Di Thảo).

4.- Một số Di Thảo khác thì đưa ra các dữ kiện sai lầm về sử liệu để bi thảm hóa tình hình đất nước, nhằm kêu gọi người Việt nên hòa với Pháp (Di Thảo 1), và để biện minh cho những đề nghị của mình (Di Thảo số 5 và 27).

5.- Nguyễn Trường Tộ nhìn đất nước Việt Nam trong lăng kính tôn giáo, mang đầy tính chất cuồng tín, phản tiến hóa, phản khoa học để từ những tiền đề đó dẫn đến hai hệ luận:

Thứ nhất, Việt Nam là một phần tử trong tổng thể của vạn vật mà tạo hóa đã an bài, do đó “*không có tự do làm theo ý muốn*” (Di Thảo số 2). Và vì là sản phẩm của tạo vật nên *phải chịu số phận cần được khai hóa* (Di Thảo số 1).

Thứ hai, liên đới với hệ luận thứ nhất về mặt trần thế, do đó, Việt Nam nên “*Dùng giám mục linh mục vào việc canh tân đất nước*” (Di Thảo 17).

6.- Có 8 trong số 58 Di Thảo không có nhiều giá trị học thuật, nên không đáng được quan tâm như Di Thảo số 6 “*Về Việc Mua Đóng Thuyền Máy*”, Di Thảo số 7 “*Về Việc Đào Tạo Người Điều Khiển Và Sửa Chữa Thuyền Máy*”, Di Thảo số 9 “*Về Việc Mua Tàu London*”, Di Thảo 11 “*Tâm Sự Với Trần Tiễn Thành*”, Di Thảo số 16 “*Bài Bạt Mừng Đào Xong Thiết Cảng*”, Di Thảo 28 “*Biểu Tạ Ôn Vua*”, Di Thảo số 56 “*Bài Khải Quyên Tiền Sửa Cầu*”, Di

Thảo số 58 “Bài Tựa Sách Đàm Thiên Luận” (cộng chung có 17 trang khổ 8x11).

Trái lại, có 3 Di Thảo không liên quan nhiều đến chính trị và kinh tế nhưng về phương diện văn chương, lý luận và sự kiện thì rất có giá trị, xuất sắc, nhất là tác giả lúc bấy giờ đang ở lớp tuổi 35 và được viết cách đây 130 năm. Đó là Di Thảo số 10 “Thảo Thư Gửi Tây Soái”, Di Thảo số 47 “Về Việc Cải Cách Phong Tục”, Di Thảo số 50 “Về Việc Chinh Đồn Quân Đội Và Quốc Phòng” (gồm 18 trang).

Bốn Di Thảo khác được viết trong bối cảnh bị triều đình Tự Đức nghi ngờ, nên giọng văn và ý tưởng có vẻ nịnh bợ hoặc phân trần, hoặc viết để thăm dò ý của triều đình. Đó là Di Thảo số 13 “Ngôi Vua Là Quý; Chức Quan Là Trọng”, Di Thảo số 40 “Bổ Túc Kế Hoạch Đánh Úp Gia Định”, Di Thảo số 51 “Cần Năm Vững Tình Hình Chính Trị Ở Pháp”, Di Thảo số 52 “Canh Tân Và Mở Rộng Quan Hệ Ngoại Giao” (gồm 18 trang).

Cách phân loại như trên, dĩ nhiên là có tính tương đối, hy vọng độc giả sẽ dễ dàng theo dõi quan điểm chính trị, kinh tế và tôn giáo của Nguyễn Trường Tộ qua bối cảnh lịch sử và sử liệu, nhất là các tài liệu mật của bộ Hải quân Pháp lúc bấy giờ. Bài này tôi chỉ phân tích quan điểm chủ hoà của ông qua Di thảo “*Thiên hạ đại thế luận*”.

C. Thiên Hạ Đại Thế Luận

Điều trần này giúp ta thấy được tâm chất và ý hướng của Nguyễn Trường Tộ đối với đất nước và đối với nước Pháp.

Đà Nẵng mất ngày 1-9-1858 vì cuộc xâm lăng của quân đội Pháp do Đô đốc Rigault de Genouilly chỉ huy. Ngày 21-6-1859, triều đình đành phải chấp nhận thương thuyết với Pháp. Tháng 3, 1860, Pháp rút khỏi Đà Nẵng vào Sài Gòn để chiếm ba tỉnh miền Đông Nam kỳ. Với Hòa ước Nhâm Tuất 1862 giữa Pháp, Tây Ban Nha và Việt Nam, Pháp được thỏa mãn tất cả những gì mà họ đòi hỏi. Tình hình dân Việt Nam lúc bấy giờ chia làm hai phe: Quần chúng thì chủ chiến, nhưng triều đình thì chủ hòa mà đứng đầu và tích cực nhất của phe chủ hòa là Phan Thanh Giản.



Đô đốc Rigault Genouilly và Cự Phan Thanh Giản

Trong bối cảnh lịch sử ấy, Nguyễn Trường Tộ viết bản Điều Trần số 1 “Bàn Về Những Tình Thế Lớn Trong Thiên Hạ” (*Thiên Hạ Đại Thế Luận*) gửi cho triều đình vua Tự Đức vào tháng 3-4 năm 1863. Lòng nội dung bản Điều Trần này vào tình hình chính trị và quân sự của đất nước lúc bấy giờ, chúng ta có thể đánh giá khá chính xác về tư duy của Nguyễn Trường Tộ. Ông viết:

“...Trộm nghĩ việc trong thiên hạ chỉ có Thế mà thôi. Chữ Thế là nói bao gồm cả thiên thời nhân sự. Cho nên người biết rõ Thế thì không trái trời, không mất thời, không hại người, không hỏng việc.

Hãy nói về thiên đạo trước. Khí đất là từ Bắc đến Nam, vận trời từ Tây sang Đông, theo Hà đồ thì thủy ở về phương Bắc, hỏa ở về phương Nam, kim ở về phương Tây, mộc ở về phương Đông. Thủy thì diệt hỏa, kim diệt mộc, ấy là lẽ tự nhiên của trời đất luôn luôn như vậy.

Ngày nay các nước phương Tây, đã bao chiếm suốt từ Tây Nam cho đến Đông Bắc, toàn lãnh thổ Châu Phi cho tới Thiên Phương, Thiên Trúc, Miến Điện, Xiêm La, Tô Môn Đáp Lạp, Trảo Oa, Lữ Tống, Cao Ly, Nhật Bản, Trung Quốc và các đảo ở ngoài biển, kể cả Tây Châu, không đâu là không bị họ chẹn họng bắm lưng... Ở trên lục địa, tất cả những chỗ nào có xe thuyền đi đến, con người đi qua, mặt trời mặt trăng soi chiếu, sương mù thấm đọng thì người Âu đều đặt chân tới, như tầm ăn cá nuốt, ở đâu thuận với họ thì phúc, chỗ nào trái với họ thì họa; ai hòa với họ thì được

yên, ai cự lại thì dùng binh lực giao tranh; trong thiên hạ không ai dám kháng cự lại họ. Như thế, nếu đó không phải là ý trời định, địa thế xoay vần, thì sao không lấy số đông của bốn đại châu mà kháng cự lại người Tây phương? Huống hồ nước Việt ta là một nước bé nhỏ, tại sao lại muốn trái đạo trời mà làm những việc thiên hạ khó làm được?

...Còn như ta là một xứ nóng, gần kề Quế Hải, là trạm nghỉ chân của người Tây phương trên đường sang Đông. Con giao long khi thấy đầm vực thì nghĩ cách đầm mình chứ không thể nào chịu bỏ mà đi.

Mới đây người Pháp thừa thế đánh xong tỉnh Quảng Đông, đã đưa quân tinh nhuệ xuống phía Nam, làm Đà Nẵng thất thủ. Khi ấy giả sử ta có 10 vạn quân, cũng không đánh nhau được với họ. Phàm việc binh cốt ở thần tốc, họ đã biết rõ rằng quân ta mới nghe thanh thế họ đã phách lạc hồn xiêu rồi".

D. Nhận định

1.-Tàu diệt Việt, Pháp diệt Đông Dương.

Nguyễn Trường Tộ muốn ám chỉ: Trung Hoa (thủy, phương Bắc) diệt Việt Nam (hỏa, phương Nam), và Pháp (kim, phương Tây) diệt Đông Dương (mộc, phương Đông), trong Đông Dương có Việt Nam. Nguyễn Trường Tộ dùng một định luật Ngũ hành, tương khắc tương sinh, của triết học cổ Trung hoa và từ tiền đề đó biện minh cho một lý luận chính trị hoang tưởng. Nhưng thực tế sai lầm qua một số dẫn chứng sau đây:

Thật vậy, nước dập tắt được lửa, nhưng lửa cũng làm cho nước bốc hơi khô cạn sông ngòi. Kim và mộc cũng thế. Vàng sợ gi "củi" nhưng củi đun nóng cũng làm cho vàng chảy hết.

Trên cơ sở sử học cũng thế. Ngàn năm bị đô hộ giặc Tàu, nhưng nhân dân ta đã dành lại độc lập. Suốt thời Lý Trần, quân Nguyên Mông đánh chiếm cả thiên hạ, nhưng lúc đến Việt Nam họ không những thua trận một lần mà thua trận đến ba lần. Học giả Phan Khôi nhận định rất đúng: "...Trái lại, nhà Lý, nhà Trần mạnh lắm, dân khí còn hăng lắm, mấy phen giặc Tàu sang chúng ta đuổi đi như đuổi vịt" (Dẫn theo Nguyễn Lang), *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, tập 3, Lá Bối xuất bản, Paris, 1985, trang 29).

Một cuộc chiến thắng phương Bắc (Trung Hoa) khác, là vua Quang Trung Nguyễn Huệ đã đuổi 20 vạn quân Thanh về Tàu năm 1789. Đó là bằng chứng trong nhiều chứng cứ lịch sử cho ta thấy làm gì có chuyện Tàu diệt Việt (Thủy diệt Hỏa) như Nguyễn Trường Tộ khẳng định. Còn Kim diệt Mộc hay Pháp diệt Á đông trong đó có Việt Nam, là thêm một nhận xét khác thiếu cơ sở sử học của họ Nguyễn.

Thật vậy, trận Điện Biên Phủ năm 1954 đã kết thúc chính sách thuộc địa gần 100 năm của Pháp. Cuộc chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc mà cuối cùng Hoa Kỳ cũng phải rời bỏ Việt Nam vào tháng 4, 1975. Sử liệu dưới đây cho thấy năm 1858 Pháp đánh Đà Nẵng và lúc Pháp mới chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ năm 1860, nếu triều đình Tự Đức không giảng hòa và hô hào toàn dân kháng chiến thì Pháp đã thua trận ngay từ đầu. Như thế không những lý luận Kim diệt Mộc hay Pháp diệt Việt Nam bị diễn dịch hoang đường mà trái lại, Mộc còn diệt Kim hay Việt nam còn diệt Pháp. Bằng chứng:

1a - Ngày 4-1-1859 Đô đốc Rigault de Genouilly gửi cho viên Thượng-thư Bộ Hải Quân một văn thư bi thảm như sau:

... Quả thật tôi thấy cần thiết và hết sức đau đớn xác nhận với ngài về tình trạng tồi tệ về sức khỏe chung. Thiếu tá Levêque, Đại úy Hải quân Virot, phó kỹ sư Delautel đều đã đi Ma-cao và chắc phải đưa về Pháp. Tôi không biết phải đối phó thế nào với các lỗ trống đó. Mỗi ngày lại có nhiều người chết, và thời tiết xấu mà các nhà truyền giáo bảo là sẽ chấm dứt vào đầu tháng 12 vẫn tiếp tục với những trận mưa dầm dề không tương tượng nổi. Chỉ nội sự kiện đó, ngài cũng có thể đánh giá về các tin tức đang đến với tôi về mặt này và lòng tin tưởng của tôi đối những cuộc hành quân phải thực hiện.

Dù thế nào đi nữa, thưa ngài Thượng Thư, chúng ta đang nhanh chóng tuột dốc đến kiệt quệ và đến lúc phải bắt động tại Đà Nẵng. Mọi phương cách để cải thiện tình trạng quân sĩ đều đã được sử dụng hết và không kết quả. Các y sĩ, trước tình trạng bệnh tật, đã kết luận là người Âu không nên làm việc gì trong khí hậu này, nhưng làm sao được khi ở đây, phải làm những việc cần thiết cho sự phòng vệ, xây cất bệnh viện, lều trại v.v... Đó là một cái vòng lẩn quẩn khiến chúng ta phải điên đầu”

1b - Trước tình hình nguy ngập như trên, ngày 8-4-1859 một chỉ thị khác của Bộ Hải Quân và Thuộc Địa gửi cho Đô đốc R. de Genouilly như sau:

“... Vì thế Hoàng Thượng tin cậy ở kinh nghiệm và sự sáng suốt của Ông trong mọi quyết định, với lực lượng dưới quyền Ông điều khiển, có nên theo đuổi việc thiết lập nền bảo hộ trên Vương quốc An Nam không; hay chỉ nên cưỡng bức Chính phủ họ, nhờ vào việc chiếm đóng Đà Nẵng và nhiều cứ điểm khác mà Ông đã chiếm hay sẽ chiếm được. Cùng với việc phong tỏa một hay nhiều cảng ở Nam Kỳ để đi đến sự ký kết một hiệp ước trên nền tảng kế hoạch 25-11-1857; hay cuối cùng là chúng ta đành bỏ các vị trí mà chúng ta chiếm đóng và từ bỏ hẳn mọi mưu toan rõ ràng ngoài tầm các phương tiện hoạt động mà Ông có” .

1c - Sau khi Phan Thanh Giản và Lê Duy Hiệp đại diện triều đình Huế ký Hòa ước Nhâm Tuất 1862 với Pháp, hai ông đã bị phân lớn dân chúng lên án là hai kẻ phản quốc. Triều đình Huế bỏ rơi phong trào kháng Pháp. Nhưng toàn dân Nam Kỳ đã kháng cự kịch liệt dưới sự điều khiển của Nguyễn Trung Trực, Võ Duy Dương, Thủ Khoa Huân v.v... và đã làm cho quân Pháp vô cùng khốn đốn. Một đoạn trong bản báo cáo của Bonard ngày 18-12-1862 viết như sau:

“Các tàu tôi hiện có, trừ hai chiếc Forbin và Cosmao, đều không thể ra khơi... Đoàn quân viễn chinh bị bệnh tật, chết chóc, sự giảm quân làm cho yếu kém, đang bị sử dụng quá sức: Tôi hoàn toàn bị tê liệt về các phương tiện hành động; tàu bè thì thiếu và bị hư... Tình trạng thảm hại đó nếu không sửa chữa sẽ đưa thẳng chúng ta đến một tai họa không xa! Tôi thấy có bổn phận phải báo cho ngài biết... Thật là đau đớn, sau bao cố gắng quá sức con người mà tôi đã làm từ 15 tháng nay, bây giờ thì mọi thứ đều phải xem xét lại, do sự bỏ rơi các vấn đề của Nam Kỳ... các cuộc khởi nghĩa đồng loạt nổi lên khắp nơi... Tôi bị đẩy vào thế tự vệ, không có phương tiện để lập một đoàn quân chỉ 200 người... Tôi yêu cầu Đô đốc Jaurès gửi ngay cho một số viện quân. Nếu lực lượng tăng viện đến ngay, tôi có thể làm chủ được tình hình, nếu không thì đành bất lực” .



Tượng Thủ khoa Huân tại Mỹ Tho và Đền thờ Cụ Nguyễn Trung Trực tại Kiên Giang

1d.- Ngày 27.1.1863 Bonard cũng than thở:

“Lực lượng chúng ta giảm dần vì chết, vì bệnh, vì rút quân, đang bị đuổi sức từng ngày, rõ ràng không thể tiếp tục trong sáu tháng một chiến trận như thế này. Chúng ta thiếu Bộ binh, thiếu Hải quân, thợ máy, phương tiện chuyên chở, tất cả trang bị Hải quân chúng ta hoàn toàn cũ mèm mà không có phương tiện sửa chữa; sự vận tải trên đất cũng thành vô hiệu, vì thiếu tài xế cho xe bộ binh, thiếu xe cứu thương, thiếu thực phẩm v.v...”



Qua bốn chứng liệu của chính các viên chức cao cấp Pháp trong bộ Hải Quân và Thuộc Địa chứ không phải của ai khác, chúng ta

thấy rõ triều đình Huế đã không nắm vững tình hình của Pháp, bằng không, thì Pháp đã bị bại trận từ đầu.

Trong lúc số phận của quân đội thực dân Pháp sắp cáo chung như chúng ta thấy ở trên, thì Nguyễn Trường Tộ lại viết:

“Nay các nước phương Tây, đã bao chiếm từ Tây Nam cho đến Đông Bắc,...ở đâu thuận với họ thì phúc, chỗ nào trái với họ thì họa, ai hòa với họ thì được yên, ...”. Từ đó, Nguyễn Trường Tộ đồng dạng khuyên dân Việt Nam: *“Huống hồ nước Việt Nam ta là một nước nhỏ bé, tại sao lại muốn trái đạo trời mà làm những việc thiên hạ khó làm được”*.

Ở đây có hai giả thuyết : Hoặc ông, nhờ có quan hệ với Pháp, biết rõ tình hình suy kiệt của quân Pháp nhưng cố tình báo cáo láo. Hoặc ông không biết rõ tình hình, chỉ suy luận bừa bãi theo cái biết về ngũ hành. Trong cả hai trường hợp, điều ông trình bày đều nói lên rõ ràng tâm trạng chủ bại của ông và ý đồ đầu hàng giặc vì chính quyền lợi của giặc.

2.- Lính Việt Nam hèn nhát, chưa đánh đã chạy.

Nguyễn Trường Tộ viết:

“Quân ta mới nghe thân thể họ đã phách lảng hồn xiêu rồi...”

... Nếu họ dùng súng trường từ xa bắn suốt tới, thì quân ta chưa xáp trận mà gươm giáo đã tan tành. Khi họ đến gần thì dùng lưới lê xung phong một người đương được cả 100 người, xông lên như nước chảy xiết. Lúc ngừng lại thì như núi dựng, xông vào chẳng qua cũng như chuồn chuồn lay cột đá mà thôi”.

Nguyễn Trường Tộ bi thảm hóa tình hình rất sai lạc. Sau đây là vài bằng chứng.

Trong văn thư đề ngày 21-9-1859, Đô đốc R. de Genouilly viết:

“Càng đi sâu vào tình hình Vương Quốc An Nam, các bức màn càng vén lên, những lời khẳng định dối trá (của các tu sĩ, BK) càng tan biến, không thể không thừa nhận rằng cuộc chiến tranh chống lại xứ này còn khó hơn cuộc chiến tranh chống lại thiên triều...”

Bonard cũng lo âu kêu cứu:

“Người An Nam đã tỏ ra dày dạn chiến đấu, họ đã làm đảo lộn vai trò, giờ đây họ tấn công chúng ta ngay những vị trí của chúng ta.” (Poyen - Notice sur l'Artillerie de la Marine, Thái Hồng “Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước,” Viện KHXH, 1992, TP HCM, trang 263).

Hai dẫn chứng vừa nêu cho thấy sự đánh giá tệ mạt của Nguyễn Trường Tộ về tình hình chiến đấu của quân Việt Nam là hoàn toàn sai lầm, và hầu như cố tình lạc dẫn để cứu vãn tình thế nguy ngập của quân đội Pháp.

3.- Giết giáo sĩ, xin một miếng đất...

Nguyễn Trường Tộ viết: *“Hơn nữa, người Pháp đến đây, một là hỏi ta vì sao giết hại giáo sĩ, hai là hỏi vì sao không chịu giao thiệp, ba là xin ta cắt cho một vài chỗ để làm đường giao thương như các nước thường làm. Lúc đầu họ không có ý đi cướp nước người. Nếu những yêu sách của họ được thỏa mãn, họ sẽ chấm dứt những hành động gây hấn như đã ước định chứ đâu đến nổi dây dưa lan rộng như thế. Cũng ví như nước lụt, người hiểu biết thì thuận theo thế nước mà cho chảy xuôi, để nước chảy về sông về biển thì hết, nếu ngăn đong lại thì úng núi ngập gò, tắc lại thì trôi nhà trôi cửa. Cho nên người khéo trị lụt, thì việc làm hết sức đơn giản.”*

Lồng các nhận định của Nguyễn Trường Tộ nêu trên vào khung cảnh nước nhà lúc bấy giờ, và trước lúc Nguyễn Trường Tộ viết bản Di Thảo này vào giữa năm 1863, các sử liệu sau đây cho thấy lý do tại sao giáo sĩ bị giết.

3.1.- Lời phê bình của Đô đốc R. De Genouilly.

Để cho vấn đề được vô tư, và để thấy các hành động mà giáo sĩ nước ngoài đã tác hại cho đất nước Việt Nam, xảy ra lúc Nguyễn Trường Tộ vào khoảng 30 tuổi, trước hết chúng ta nên nghe lời than phiền của Đô đốc Rigault de Genouilly.

“Không một nền cai trị nào, dù là phục vụ cho đạo Ki Tô, lại có thể dung thứ cho sự xâm phạm thường xuyên và ngu xuẩn vào các

vấn đề chính trị, dân sự, và quân sự vốn không được và không phải thuộc quyền hạn của họ [các giáo sĩ – BK]. Nếu cũng vì những yếu tố buộc tội đó mà Giám mục Pellerin bị nhà cầm quyền An Nam trục xuất thì báo chí của người truyền đạo lại kêu la om sòm là họ bị bạo hành”.

Nguyễn Trường Tộ nhận định thêm “*Nếu những yêu sách... được thỏa mãn, họ sẽ chấm dứt những hành động gây hấn*”. Để đánh giá lời phát biểu này, chúng ta nên biết vài sử liệu dưới đây:

3.2.- Bản tường trình của Đô Đốc Bonard

Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ là Biên Hòa, Gia Định, và Định Tường, Việt Nam ký với Pháp Hòa-ước 1862, Đô đốc Bonard gửi cho chính phủ ông một bản tường trình bằng cách đặt bốn câu hỏi, mà câu hỏi thứ tư như sau:

"Bằng lòng với ba tỉnh đang chiếm được, tổ chức lại để đảm bảo an ninh cho tự do buôn bán dưới ngọn cờ của nước Pháp ư?
[Bonard tự trả lời như sau]:

“Giải pháp thứ tư, đòi hỏi phải có những hy sinh mới, nhưng có thể dẫn đến kết quả là tổ chức và xử dụng được cái xứ rộng lớn mà vũ khí đã may mắn đặt nó vào tay chúng ta. Những hy sinh này rất cần thiết để duy trì những ảnh hưởng tốt của chúng ta ở Viễn Đông, bằng không sẽ còn phải thêm bao nhiêu máu và tiền bạc đổ ra nữa mà không có gì hy vọng trước mắt hoặc trong tương lai.”

Qua ý kiến của Đô đốc Bonard như trên, chúng ta thấy Pháp đã thỏa mãn với Hòa Ước 1862 sau khi ký kết với triều đình vua Tự Đức, nhưng 5 năm sau, tháng 6, 1867 Pháp chiếm trọn cả Nam Kỳ. Đến ngày 20-11-1873, sau khi Nguyễn Trường Tộ chết khoảng 2 năm, Pháp chiếm luôn Bắc Kỳ. Như thế, lời khuyên của Nguyễn Trường Tộ: *Nếu những yêu sách của họ được thỏa mãn, họ sẽ chấm dứt những hành động gây hấn* là một đề nghị vừa sai lầm vừa chỉ có lợi cho Pháp mà thôi.

4.- Chiến là đổ thêm dầu vào lửa, hòa là thượng sách

Nguyễn Trường Tộ viết:

“Hiện nay quân Pháp đã chinh cư thành Gia Định và các phủ huyện thuộc hạt, họ đào kinh đắp lũy trừ kế lâu dài để tỏ ra không

chịu đi, như hổ đã về rừng, rồng đã xuống biển. Bây giờ như ta muốn có thủ thành trì đợi cho họ tê liệt thì thật chẳng khác nào muốn quét sạch lá rừng, tát cạn nước biển. Không hòa mà chiến, khác nào cứu lửa đổ thêm dầu, không những không cứu được mà còn cháy nhanh hơn nữa.

Tôi thường nghiên cứu sự thế trong thiên hạ mà biết rằng hòa với Pháp là thượng sách...”

So sánh nội dung đoạn trong bản Điều Trần của Nguyễn Trường Tộ nêu trên được gửi cho triều đình Tự Đức khoảng tháng 3-4 năm 1863, và một tối hậu thư của đại diện toàn quyền chính phủ Pháp và Tây Ban Nha gửi cho Việt Nam đề ngày 28.2.1863, chúng ta thấy có những ý tứ thật trùng hợp nhau như sau:

“Nếu chấp thuận (phê chuẩn hiệp ước, BK) thì dân chúng và vương quốc An Nam sẽ không còn những khốn khổ.

Nếu không, thì Vương quốc ông sẽ không còn nữa, vì điều đó sẽ dẫn đến sự tham dự của những người nô loạn miền Bắc và sự chiếm đóng tức thời ba tỉnh phía Nam. Như thế vương quốc của ông sẽ mất đi cùng lúc cả Nam Kỳ và Bắc Kỳ.”

Sở dĩ có sự hăm dọa như trên vì vua Tự Đức một mặt kiểm soát tri hoãn sự phê chuẩn hiệp ước, mặt khác vận động chuộc lại các tỉnh đã mất. Như thế, Nguyễn Trường Tộ có đi đèm với Pháp hay không? Nếu không đi đèm thì cũng “đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu ».

5.- Nên nhường đất cho lính nghỉ, giáo sĩ chỉ mở rộng đạo không tranh giành đất.

Nguyễn Trường Tộ viết: *“Nay có đánh họ cũng không đi, hòa họ cũng không đi. Họ chỉ xin mình miếng đất mà thôi, nếu cứ kiên quyết không cho, họ sẽ lập mưu cướp hết...”*

Theo cách ngày nay thì nên để cho quân lính nghỉ ngơi, rồi làm theo chước Hán Cao Tổ ngày xưa cắt Quan Trung cho hạng Võ, để họ giữ bờ cõi cho mình, như có hổ báo trong rừng thì chồn cáo không dám bén mảng tới...”

Một, qua các sử liệu mà chúng ta đã thấy, nếu triều đình vua Tự Đức biết được tình hình suy nhược và rối loạn của địch và thấy

được thể mạnh của ta, thì quân xâm lược bị chôn xác xuống lòng đất ngay từ những tháng đầu của việc chiếm đóng.

Hai, triều đình Vua Tự Đức muốn giảng hòa với Pháp khi ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ đã mất, nhưng vấn đề đó không thể thực hiện được một cách có lợi cho quốc gia Việt Nam, vì những kết quả tốt đẹp có được tại bàn hội nghị sẽ tùy thuộc vào những chiến thắng quân sự tại chiến trường. Còn không, thì Việt Nam là người đi xin mà Pháp là kẻ bố thí. Người xin chỉ được những gì mà người cho phế thải ra mà thôi.

Thật vậy, trước lúc phái bộ Phan Thanh Giản vào Nam Kỳ để thương thuyết với Pháp, cuối buổi tiệc khoản đãi phái bộ trước khi lên đường, vua Tự Đức nói với các đình thần những lời cảm động như sau:

“Đất nước hôm nay đang bị dồn vào ngõ cụt khó khăn; muốn đưa nó thoát ra, chỉ có bàn tay của những người tôi trung tài năng và tận tụy. Có hai điểm cơ bản các khanh cần luôn luôn ghi nhớ: vấn đề nhường đất và vấn đề hành đạo Cơ Đốc giáo. Về hai điểm quan trọng hàng đầu ấy, các khanh đừng nhẹ dạ trong việc ký kết. Đừng vì một sự yếu đuối hay vội vàng nào đó mà làm thiệt hại đến vận mệnh và danh dự của cả giang sơn đang được giao phó vào tay các khanh

Nhưng, ngày 7. 6. 1862, các sứ thần Việt Nam rời Sài Gòn trở về Huế tường trình về nhiệm vụ của sứ bộ. Kết quả đáng buồn.

Đất nước bị cắt mất ba tỉnh miền Đông: Gia Định, Định Tường và Biên Hòa. Người Pháp bắt một nước đã bị xơ xác vì bao nạn chiến tranh và chiếm đóng phải trả một số chiến phí quá nặng: 4 triệu đồng bạc tức khoảng 2.800.000 lượng bạc. Sau nữa, là chuẩn y mười hai điều khoản liên quan đến vấn đề hành đạo Ki-Tô và mở cửa đất nước cho việc buôn bán đối ngoại {Nguyễn Xuân Thọ “*Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp ở Việt Nam (1858-1897)*”, tác giả xuất bản, Hoa Kỳ, 1995, trang 66, 67, 68}.

Do đó, Nguyễn Trường Tộ bảo: nên cho quân lính nghỉ ngơi để Pháp giữ bờ cõi cho mình, là một ý kiến « rước cọp vào nhà » nhằm có lợi cho thực dân.

Riêng câu viết “*Còn như giáo sĩ thì họ chỉ lấy việc mở rộng đạo giáo chống lại gian tà, làm trách nhiệm, chẳng liên quan gì đến việc tranh thành tranh đất cả.*”

Dưới đây là hai thí dụ, trong nhiều thí dụ, để thấy sự sai lầm cố ý của nhà thuyết khách họ Nguyễn.

Một đoạn trong mật thư, ngày 24.7.1862, Đô đốc Bonard gửi cho Chasseloup Laubat như sau:

“Ai (các giáo sĩ, BK) cũng ôm ấp lý tưởng trở lại thời kỳ mà Giám mục Bá Đa Lộc được xem như ông vua thực sự của xứ An Nam, thời kỳ mà mọi việc chỉ có thể được thực hiện theo lời khuyên cáo của ông giám mục này, hoặc được ông cho phép. Để đạt mục đích đó, các nhà truyền giáo đã dùng kế hoạch sau đây: nếu những ai nổi vị vua Gia Long mà không theo ý của các ông giáo sĩ, thì họ sẽ tìm cách phủ nhận tính chính thống của vua này, và khi lật đổ được triều đình hiện tại thì sẽ bầu lên một ông vua khác theo ý họ.”

Một đoạn khác trong thư đó viết về hành động của các giáo sĩ dòng tu Đô-Mi-Níc người Tây Ban Nha:

“Còn tu sĩ dòng Dominique Tây Ban Nha thường chiếm cứ nhiều vùng miền Thượng Du Bắc Việt, họ lại còn bắt trị hơn: hăng hái và quá cuồng tín, đa số trong bọn này phát xuất từ các đoàn du kích và phe Carlistes, họ rời bỏ Tây Ban Nha và sẵn sàng mang gươm, súng và thánh giá chữ thập dốc toàn lực tham dự vào các cuộc nổi loạn gây tai họa cho xứ Bắc Kỳ.”



Trên đây là vài nhận xét thuộc lãnh vực chính trị của Nguyễn Trường Tộ khi đối chiếu với các sử liệu chính xác và tình hình thực tế không thể chối cãi. Những sai lầm nghiêm trọng, các khuyến cáo có ý đồ và những nhận định hoàn toàn sai lạc về tình thế, về lịch sử mà Nguyễn Trường Tộ viết trong bản Điều Trần, giả sử ông không có hậu ý giúp Pháp, thì ông cũng nên được lịch sử phê phán cho trung thực và đúng mức, vì đề nghị sai chỉ có lợi cho Pháp mà thôi.

Bùi Kha

[Source: *Hồn Việt* số 30, tháng 12.2009, <http://honvietquochoc.com.vn> – GDOL có biên tập lại vài chi tiết và thêm ảnh minh họa với sự đồng ý của tác giả]

Theo triết học cổ Trung Hoa, tất cả vạn vật đều phát sinh từ năm nguyên tố cơ bản và luôn luôn trải qua năm trạng thái được gọi là: **Mộc, Hỏa, Thổ, Kim và Thủy** (tiếng Trung: 木, 火, 土, 金, 水). Năm trạng thái này, gọi là **Ngũ hành** (五行), không phải là vật chất như cách hiểu đơn giản theo nghĩa đen trong tên gọi của chúng mà đúng hơn là cách quy ước của người Trung Hoa cổ đại để xem xét mối tương tác và quan hệ của vạn vật.

Học thuyết Ngũ hành diễn giải sự sinh hoá của vạn vật qua hai nguyên lý cơ bản (生 - Sinh) còn gọi là **Tương Sinh** và (克 - Khắc) hay **Tương Khắc** trong mối tương tác và quan hệ của chúng.

- Trong mỗi quan hệ Sinh thì Mộc sinh Hỏa; Hỏa sinh Thổ; Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy, Thủy sinh Mộc.
- Trong mỗi quan hệ Khắc thì Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy, Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc.

Năm nguyên tố và các nguyên lý cơ bản của Ngũ hành đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực hoạt động của người Trung Hoa cũng như một số quốc gia và vùng lãnh thổ xung quanh như: Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông, Singapore ... từ thời cổ đại đến nay trong nhiều lĩnh vực như hôn nhân và gia đình, âm nhạc, hội họa, kiến trúc, y học cổ truyền, quân sự v.v.

Ngũ hành được ứng dụng vào Kinh Dịch, có từ thời kỳ nhà Chu (thế kỷ 12 TTL đến năm 256 TTL), một cuốn sách được coi là tác phẩm vĩ đại nhất trong lịch sử Trung Hoa về triết học. [Theo Wikipedia]

◆...Je dois en effet et bien malheureusement confirmer à Votre Excellence l'état déplorable de la santé générale. M. le Commandant Lévêque, M. le Lieutenant de Vaisseau Virot, M. le S. Ingénieur Delautel vont à Macao et devront être probablement renvoyés en France. Je ne sais plus comment faire face à tous ces vides. Chaque jour

amène de nombreux décès et les mauvais temps, qui d'après les missionnaires, devaient finir avec le décembre, continuent avec une abondance de pluies qui dépasse toute idée. Par ce seul fait, Votre Excellence peut juger de la valeur des renseignements qui me viennent de ce côté, et de la foi que je puis leur accorder, pour les opérations à entreprendre avec la division. Mais quoiqu'il en soit, Monsieur le Ministre, nous descendons par une pente rapide vers l'impuissance radicale et le moment où il faudra demeurer immobile à Tourane. Tous les moyens d'améliorer la situation des troupes et des équipages ont été épuisés et sans succès. Les médecins, vaincus par la maladie, arrivent à cette conclusion que les Européens ne doivent faire dans ce climat aucun travail, mais alors comment s'y établir, pourvoir aux nécessités de la défense, des constructions d'hôpitaux, de baraques etc... C'est un cercle vicieux contre lequel on viendrait se briser la tête." (Archives Nationales, Fonds marine) BB4769 CHT, p. 108). - (Thư Khố Quốc Gia, tài sản Hải Quân, số hiệu BB 84769, dẫn theo luận án tiến sĩ của Cao Huy Thuần "*Christianisme et Colonialisme au Viet Nam 1857 – 1914*" Paris, France, 1968, bản ronéo, trang 108).

"Sa Majesté s'en rapporte donc à votre expérience et à votre sagacité pour décider si avec les forces placées sous votre commandement, il convient de poursuivre l'établissement de notre protectorat sur l'Empire annamite; s'il est préférable de se borner à peser sur son gouvernement par l'occupation de Tourane et de tels autres points dont vous avez pu ou vous emparer, ainsi que par le blocus d'un ou de plusieurs ports de Cochinchine, pour arriver à conclure un traité sur les bases du projet du 25 Novembre 1857; ou enfin s'il faut nous résigner à abandonner les positions que nous occupons et à renoncer complètement à une entreprise, décidément hors de proportion avec les moyens d'action dont vous disposez". (Instruction du Ministre de la Marine et des Colonies 8-4-1859, Archives Nationales, Fonds Marine, BB4 1045).

"Les vieux bâtiments dont je dispose sont, à l'exception du Forbin et du Cosmao, incapables de prendre la mer... Le personnel du corps expéditionnaire affaibli par les maladies, les morts et les congédiements, est surmené: Je suis complètement paralysé dans mes moyens d'action; mes navires sont insuffisants et en trop mauvais état... Cet état déplorable, si l'on n'y porte un prompt remède, nous mène droit à une catastrophe qu'il est de mon devoir de signaler à Votre Excellence comme imminente... Il est pénible, après les efforts surhumains que je fais depuis 15 mois, de voir tout remis en question, par suite de l'abandon dans lequel sont laissées les affaires de Cochinchine..."

L'insurrection a éclaté partout à la fois... Je suis réduit à la défensive, n'ayant pas les moyens de former une colonne de 200 hommes... Je demande à l'amiral Jaurès instamment de m'envoyer quelques renforts. Si ces renforts arrivent promptement, je pourrai me rendre maître de la position, si non, non". (Dépêche du 10, 12, 1862, Archives du Ministère des Affaires Étrangères Asie, Mémoires et Documents, vol. 28, fol. 221-224).

“Notre effectif réduit par les morts, les maladies, les évacuations est accablé de fatigue; chaque jour il diminue; il est matériellement impossible de continuer 6 mois une pareille campagne. Nous manquons d'hommes, de marins, de mécaniciens, de moyens de transport; tout notre matériel naval est complètement usé, et sans que nous ayons les moyens de pouvoir les réparer; les transports par terre sont aussi radicalement anéantis, faute de conducteurs pour le train d'artillerie, les ambulances, les vivres etc..." (Dépêche du 27-1-1863, fol. 295 et 318, CHT, pp.170 & 171).

... à mesure que l'on pénètre dans la situation de l'Empire annamite, que les voiles se lèvent, que les assertions mensongères disparaissent, il est impossible de ne pas reconnaître qu'une guerre contre ce pays est plus difficile qu'une guerre contre le Céleste Empire (Dépêche de l'Amiral Rigault de Genouilly, Archives Nationales, Fond Marine # BB4 769: CHT, pp. 117-118).

Fut-elle au service de l'intérêt chrétien, ne pouvait tolérer leur intrusion permanente et insolente dans les affaires politiques, civiles et militaires qui ne sont et ne doivent pas être de leur ressorts. Si l'expulsion du Mgr Pellerin avait été prononcée, pour les mêmes chefs d'accusation, par une autorité Vietnamienne, la presse des missionnaires aurait crié partout persécutio. (Correspondance, 29.1.1859, CHT, p.113).

Se contenter des trois provinces acquises, les organiser, y assurer la sécurité commerciale sous le drapeau Français?

La quatrième combinaison exige de nouveaux sacrifices, mais elle peut amener à organiser et à utiliser le vaste pays que les chances de la guerre ont mis entre nos mains. Ces sacrifices sont indispensables pour

maintenir très haut l'influence que nous avons conquise dans l'Extrême Orient, sous peine de voir tout le sang et l'argent dépensés venir s'ajouter à celui tout à fait perdu qu'il faudra pour subvenir aux demi-mesures, desquelles il n'y a rien à espérer ni dans le présent, ni dans l'avenir..” Correspondance de Cochinchine ♦, Tom VI, pp. 130 à 147. Archives du ministère de la France - Outremer, Paris. (Thư quan hệ giữa Nam Kỳ, tập 4, trang 130- 147. Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Paris. Dẫn theo Nguyễn Xuân Thọ trong cuốn *Histoire de la Pénétration Française Au Vietnam* (1858-1897. Trung tâm văn hóa Linh Sơn xuất bản, Hawaii, 1993, trang 91-92}.

Oui, c'est la fin des malheurs du peuple et du royaume d'Annam.

Non, c'est la ruine de ce royaume, car il entraînera nécessairement l'assistance aux insurgés du Tonkin et la prise immédiate des trois provinces du sud: Votre royaume perdra donc, du même coup le Nam Ky et Bac Ky. (Archives du Ministère des Affaires, Asie, Mémoires et Documents, Tome 28, pp.403 - 404: CHT, p.171).

"Tous caressent l'idée de revenir au temp où l'Évêque d'Adran était le véritable souverain du royaume d'Annam, temps où rien ne se faisait que par ses conseils ou sa permission. Pour parvenir à ce but voici quels moyens ils ont employés: les uns et les autres, ne trouvant pas que les successeurs de la dynastie de Gia Long obtempérassent assez à leurs désirs, ont contesté la légitimité de ceux-ci et ont cherché à mettre en avant un candidat qui, s'il renversait la dynastie régnante, leur offrit plus de garanties pour arriver à leurs fins”. (Archives du Ministère des Affaires Étrangères, Asie, Mémoires et Documents, Vol, 28, Fol.85 - 88: CHT, p. 150).

Quant aux Dominicains espagnols qui occupent généralement le haut Tonkin ils sont beaucoup plus ingouvernables: ardents et fanatiques au dernier degré, un assez grand nombre d'entre eux sortant des bandes de guérillas et de carlistes ayant abandonné l'Espagne portent assez volontiers le sabre et le mousquet avec la croix et sont mêlés, et de coeur et le corps, aux révoltes qui affligent le Tonkin (CHT, p. 152).